

Bản án số: 14/2024/DS-ST

Ngày: 14/5/2024

V/v Tranh chấp

hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN EA KAR, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Xuân Chiến.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Y Nik Êban.
2. Bà Nguyễn Thị Tuyết.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hà Hương – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Kar tham gia phiên tòa: Bà Giản Thị Chung- Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 5 năm 2024, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Ea Kar xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 12/2024/TLST-DS ngày 02 tháng 01 năm 2024 về “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2024/QĐXXST-DS ngày 09 tháng 4 năm 2024 và Quyết định Hoàn phiên tòa số 11/2024/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 4 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1974. Nơi cư trú: thôn 12, xã Ô, huyện K, tỉnh Đắk Lắk: có mặt.

- Bị đơn: Bà Vũ Thị T và ông Hà Viết H1. Nơi cư trú: thôn 8, xã Ô, huyện K, tỉnh Đắk Lắk: vắng mặt không lý do (đương sự đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ đến lần thứ 2).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện đề ngày 27/12/2023 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị H trình bày:

Ngày 19/5/2022 (âm lịch), vợ chồng ông Hà Viết H1, bà Vũ Thị T có vay của tôi số tiền là 600.000.000^d (sáu trăm triệu đồng), hai bên thỏa thuận lãi suất là 1,1%/ tháng, thời hạn vay là 01 năm kể từ ngày vay, ngày trả nợ tiền vay là 19/5/2023 (âm lịch), tiền lãi trả hàng tháng. Trong trường hợp không trả nợ gốc và lãi thì bị phạt với mức lãi suất là 3%/ tháng. Khi vay có viết giấy vay tiền, toàn bộ chữ viết trong nội dung giấy vay tiền là chữ viết của bà T, dưới phần người vay có chữ ký, chữ viết Vũ

Thị T, Hà Viết H1 là chữ ký, chữ viết của bà T, ông H1. Đồng thời, vợ chồng ông H1, bà T có thể chấp cho tôi 01 (một) giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BI 911628 đối với thửa đất số 161, tờ bản đồ số 90, diện tích 279m² do Ủy ban nhân dân huyện K cấp ngày 11/4/2014 mang tên Phan Văn H, Nguyễn Thị M; thay đổi cơ sở pháp lý chuyển nhượng cho ông Hà Viết H1, bà Vũ Thị T ngày 23/6/2014. Việc thế chấp này chỉ ghi trong giấy vay tiền mà hai bên không lập hợp đồng riêng, không công chứng và không đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định pháp luật.

Quá trình thực hiện hợp đồng, vợ chồng ông H1, bà T đã trả cho tôi tiền lãi đến ngày 19/8/2023 (âm lịch) với mức lãi suất 1,1%/ tháng như thỏa thuận, nhưng chưa trả được số tiền vay nào. Như vậy, hiện nay vợ chồng ông H1, bà T còn nợ tôi số tiền vay 600.000.000^d (sáu trăm triệu đồng) và tiền lãi kể từ ngày 20/8/2023 (âm lịch) tức là ngày 04/10/2023 dương lịch đến nay.

Nguyện vọng: Yêu cầu vợ chồng ông Hà Viết H1, bà Vũ Thị T phải trả cho tôi số tiền vay là 600.000.000^d (sáu trăm triệu đồng) và tiền lãi từ ngày 04/10/2023 dương lịch đến ngày xét xử sơ thẩm với mức lãi suất theo pháp luật là 1,65%/ tháng. Sau khi vợ chồng ông H1, bà T trả đủ nợ cho tôi thì tôi sẽ trả lại cho vợ chồng ông H1, bà T giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BI 911628.

- Tại biên bản ghi lời khai ngày 12/3/2024 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án đồng bị đơn bà Vũ Thị T trình bày:

Thừa nhận, vào ngày 19/5/2022 (âm lịch), vợ chồng tôi có vay của bà Nguyễn Thị H số tiền là 600.000.000^d (sáu trăm triệu đồng), hai bên thỏa thuận lãi suất là 1,1%/ tháng, thời hạn vay là 01 năm kể từ ngày vay, tiền lãi trả hàng tháng. Trong trường hợp không trả nợ gốc và lãi thì bị phạt với mức lãi suất là 3%/ tháng. Khi vay có viết giấy vay tiền, toàn bộ nội dung trong giấy vay tiền là chữ viết của tôi, ở dưới phần người vay ghi họ tên Hà Viết H1, Vũ Thị T là chữ ký, chữ viết của vợ chồng tôi. Khi vay tiền, vợ chồng tôi có thể chấp cho bà H 01 (một) giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BI 911628 đối với thửa đất số 161, tờ bản đồ số 90, diện tích 279m² do Ủy ban nhân dân huyện K cấp ngày 11/4/2014 mang tên Phan Văn H, Nguyễn Thị M; thay đổi cơ sở pháp lý chuyển nhượng cho vợ chồng tôi ngày 23/6/2014. Việc thế chấp này chỉ ghi trong giấy vay tiền mà hai bên không lập hợp đồng riêng, không công chứng và không đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định pháp luật.

Quá trình thực hiện hợp đồng, thì vợ chồng tôi đã trả cho bà H tiền lãi đến tháng 8/2023 (âm lịch) với mức lãi suất là 1,1%/ tháng. Tuy nhiên ,vợ chồng tôi chưa trả cho bà H số tiền vay nào.

Như vậy, hiện nay vợ chồng tôi còn nợ bà H số tiền vay 600.000.000^d (sáu trăm triệu đồng) và tiền lãi từ ngày 20/8/2023 (âm lịch) tức là ngày 04/10/2023 dương lịch đến nay.

Nguyện vọng: Đồng ý trả cho bà H số tiền vay còn nợ là 600.000.000^d (sáu trăm triệu đồng) nhưng xin thời hạn trả nợ từ 6 tháng đến 1 năm để bán nhà; còn tiền lãi do điều kiện khó khăn nên xin bà H không tính lãi. Tôi đồng ý yêu cầu của bà H là sau khi vợ chồng tôi trả đủ tiền cho bà H thì bà H có trách nhiệm trả cho vợ chồng

tôi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BI 911628.

- Đối với đồng bị đơn ông Hà Viết H1: Sau khi thụ lý vụ án, Toà án nhân dân huyện Ea Kar đã tiến hành tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải hợp lệ nhiều lần nhưng ông Hà Viết H1 đều vắng mặt không lý do nên Toà án quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Kar phát biểu ý kiến: Về tố tụng: Kiểm sát viên khẳng định quá trình thu thập chứng cứ và tại phiên tòa, Tòa án thực hiện đầy đủ và đúng các quy định của pháp luật về tố tụng; Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Điều 463, Điều 466, khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc vợ chồng ông Hà Viết H1, bà Vũ Thị T phải trả cho bà Nguyễn Thị H số tiền là 672.600.000^d (sáu trăm bảy mươi hai triệu sáu trăm nghìn đồng), trong đó: số tiền vay là 600.000.000^d (sáu trăm triệu đồng) và tiền lãi từ ngày 04/10/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm (14/5/2024) là 72.600.000^d (bảy mươi hai triệu sáu trăm nghìn đồng).

Vợ chồng ông Hà Viết H1, bà Vũ Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng và quan hệ tranh chấp:

- Toà án quyết định đưa vụ án ra xét xử, bị đơn ông Hà Viết H1, bà Vũ Thị T đã được toà án triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ đến lần 2, nhưng đương sự đều vắng mặt không lý do. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn ông Hà Viết H1, bà Vũ Thị T là có căn cứ phù hợp điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Kiểm sát viên tham gia phiên tòa khẳng định quá trình thu thập chứng cứ và tại phiên tòa, Tòa án thực hiện đầy đủ và đúng các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự.

- Xét giao dịch giữa bà Nguyễn Thị H và vợ chồng ông Hà Viết H1, bà Vũ Thị T về việc vay tiền có thỏa thuận lãi suất và thời hạn trả nợ, các bên xác lập trên cơ sở tự nguyện là hợp đồng vay tài sản có hiệu lực nên làm phát sinh quyền và nghĩa vụ các bên. Do đến thời hạn trả nợ, vợ chồng ông Hà Viết H1, bà Vũ Thị T không thực hiện nghĩa vụ như cam kết nên bà Nguyễn Thị H khởi kiện và Toà án thụ lý giải quyết, phù hợp khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về nội dung:

[1] Xét yêu cầu của bà Nguyễn Thị H buộc vợ chồng ông Hà Viết H1, bà Vũ Thị T phải trả số tiền vay là 600.000.000^d (sáu trăm triệu đồng), Hội đồng xét xử nhận thấy:

Quá trình thu thập chứng cứ và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị H và

đồng bị đơn bà Vũ Thị T, đều xác định: Ngày 19/5/2022 (âm lịch), vợ chồng ông Hà Viết H1, bà Vũ Thị T có vay của bà Nguyễn Thị H số tiền là 600.000.000^d (sáu trăm triệu đồng), hai bên thỏa thuận lãi suất là 1,1%/ tháng, thời hạn vay là 01 năm, tiền lãi trả hàng tháng. Toàn bộ nội dung trong giấy vay tiền là chữ viết của bà Vũ Thị T; ở dưới phần người vay ghi họ tên Hà Viết H1, Vũ Thị T là chữ ký, chữ viết của ông H1, bà T. Kể từ thời điểm vay đến nay, ông H1, bà T chưa thanh toán cho bà H khoản tiền vay nào. Xét lời khai của các bên phù hợp với giấy vay tiền (BL 05) được lưu hồ sơ vụ án.

Như vậy, có đủ căn cứ xác định: vợ chồng ông Hà Viết H1, bà Vũ Thị T còn nợ bà Nguyễn Thị H số tiền vay 600.000.000^d (sáu trăm triệu đồng).

Do đó, xét yêu cầu của nguyên đơn, buộc vợ chồng ông Hà Viết H1, bà Vũ Thị T phải trả cho bà Nguyễn Thị H số tiền vay 600.000.000^d (sáu trăm triệu đồng) là có căn cứ, phù hợp với các Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự, cần chấp nhận.

[2] Về tiền lãi: Căn cứ vào giấy vay tiền và lời trình bày của các bên xác định: Quá trình thực hiện hợp đồng vay, vợ chồng ông H1, bà T đã trả tiền lãi cho bà H kể từ thời điểm vay đến ngày 19/8/2023 (âm lịch) tức là ngày 03/10/2023 dương lịch với mức lãi suất theo thỏa thuận là 1,1%/ tháng là phù hợp với quy định pháp luật, cần chấp nhận.

Nguyên đơn yêu cầu vợ chồng ông H1, bà T phải trả tiền lãi còn lại từ ngày 04/10/2023 dương lịch đến ngày xét xử sơ thẩm với mức lãi suất là 1,65%/ tháng. Hội đồng xét xử nhận thấy: mặc dù trong giấy vay các bên thỏa thuận “*Trong trường hợp không trả nợ gốc và lãi thì bị phạt với mức lãi suất là 3%/ tháng*”, đây là mức lãi suất vượt quá quy định pháp luật, do đó việc nguyên đơn yêu cầu tính lãi với mức lãi suất 1,65%/ tháng đối với thời gian quá hạn là phù hợp với điểm b khoản 5 Điều 466 Bộ luật dân sự, cần chấp nhận

Tiền lãi được tính như sau: từ ngày 04/10/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm (14/5/2024) là 220 ngày = $(600.000.000^d \times 1,65\% / \text{tháng} \times 220 \text{ ngày}) : 30 \text{ ngày} = 72.600.000^d$ (bảy mươi hai triệu sáu trăm nghìn đồng).

[3] Như vậy, tổng tiền vay và tiền lãi mà ông Hà Viết H1, bà Vũ Thị T phải trả cho bà Nguyễn Thị H là 672.600.000^d (sáu trăm bảy mươi hai triệu sáu trăm nghìn đồng), trong đó: tiền vay là 600.000.000^d (sáu trăm triệu đồng) và tiền lãi là 72.600.000^d (bảy mươi hai triệu sáu trăm nghìn đồng).

[4] Xử lý tài sản thế chấp: khi vay tiền vợ chồng ông H1, bà T có thể chấp cho bà Nguyễn Thị H 01 (một) giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BI 911628 đối với thửa đất số 161, tờ bản đồ số 90, diện tích 279m² do Ủy ban nhân dân huyện K cấp ngày 11/4/2014 mang tên Phan Văn H, Nguyễn Thị M; thay đổi cơ sở pháp lý chuyển nhượng cho ông Hà Viết H1, bà Vũ Thị T ngày 23/6/2014 để làm tin. Tuy nhiên, các bên đều xác định việc thế chấp chỉ ghi trong giấy vay tiền mà hai bên không lập hợp đồng riêng, không công chứng và không đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định pháp luật.

Do đó, quá trình thu thập chứng cứ các bên thống nhất: sau khi ông H1, bà T

trả đủ tiền cho bà H thì bà H có trách nhiệm trả cho ông H1, bà T giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BI 911628 nói trên là phù hợp với quy định pháp luật, cần chấp nhận.

[5] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên ông Hà Viết H1, bà Vũ Thị T phải chịu 30.904.000^d (ba mươi triệu chín trăm lẻ bốn nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm theo khoản 2 Điều 26, điểm c tiểu mục 1.3 mục 1 phần II (Danh mục án phí) Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Hoàn trả cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo quy định pháp luật.

Vì những lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 266 Bộ luật Tố tụng Dân sự; các Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 26, điểm c tiểu mục 1.3 mục 1 phần II (Danh mục án phí) Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Buộc vợ chồng ông Hà Viết H1, bà Vũ Thị T phải trả cho bà Nguyễn Thị H số tiền là 672.600.000^d (sáu trăm bảy mươi hai triệu sáu trăm nghìn đồng), trong đó: tiền vay là 600.000.000^d (sáu trăm triệu đồng) và tiền lãi là 72.600.000^d (bảy mươi hai triệu sáu trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày tiếp theo ngày 15/5/2024 đến khi thi hành án xong, bị đơn vợ chồng ông Hà Viết H1, bà Vũ Thị T còn phải trả cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị H khoản tiền lãi đối với số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

2. Xử lý tài sản thế chấp: sau khi ông H1, bà T trả đủ tiền cho bà H thì bà H có trách nhiệm trả cho ông Hà Viết H1, bà Vũ Thị T 01 (một) giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BI 911628 đối với thửa đất số 161, tờ bản đồ số 90, diện tích 279m² do Ủy ban nhân dân huyện K cấp ngày 11/4/2014 mang tên Phan Văn H, Nguyễn Thị M; thay đổi cơ sở pháp lý chuyển nhượng cho ông Hà Viết H1, bà Vũ Thị T ngày 23/6/2014.

3. Về án phí: Vợ chồng ông Hà Viết H1, bà Vũ Thị T phải chịu 30.904.000^d (ba mươi triệu chín trăm lẻ bốn nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị H số tiền 14.804.000^d (mười bốn triệu tám trăm lẻ bốn nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2022/0004889 ngày 29/12/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện K.

Căn cứ Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì các bên có quyền thoả thuận việc thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành

án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án là 5 năm kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật;

Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản niêm yết hợp lệ nơi đương sự cư trú.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Kar.
- Chi cục THADS huyện K.
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Phạm Xuân Chiến